

TỔNG HỢP KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

HỌC KÌ I - NGỮ VĂN 7

❖ **Tài liệu gồm các phần:**

I. Phần Văn bản

1. Kiến thức trọng tâm
2. Bài tập vận dụng

II. Phần Tiếng Việt

1. Kiến thức trọng tâm
2. Bài tập vận dụng

III. Phần Tập làm văn

1. Kiến thức trọng tâm
2. Bài tập vận dụng

IV. Một số đề kiểm tra minh họa

I. PHẦN VĂN BẢN

1. Kiến thức trọng tâm

Thời kì	Văn bản	Tác giả	Tác phẩm	Nội dung	Nghệ thuật
VĂN HỌC TRUNG ĐẠI	Nam quốc sơn hà (Sông núi nước Nam)	Lí Thường Kiệt	- Thơ Thất ngôn tứ tuyệt - Chữ Hán	- Khẳng định độc lập, chủ quyền dân tộc - Quyết tâm bảo vệ Tổ quốc của nhân dân	- Lời thơ đanh thép, sắc sảo. - Giọng thơ hùng hồn, mạnh mẽ.
	Tụng giá hoàn kinh sư (Phò giá về kinh)	Trần Quang Khải	- Thơ ngũ ngôn tứ tuyệt. - Chữ Hán	- Tổng kết chiến thắng của dân tộc. - Trách nhiệm trong việc giữ gìn Tổ quốc.	- Câu rút gọn, hàm súc. - Lời thơ dứt khoát - Giọng thơ mạnh mẽ, đầy tự hào.
	Sau phút chia li (Chinh phụ ngâm)	Đặng Trần Côn	- Song thất lục bát - Chữ Hán – dịch Nôm	Nỗi sầu chia li của người chinh phụ.	- Sắc thái xung hô cổ. - Nghệ thuật đối – điệp. - Không gian – Thời gian.
	Bánh trôi nước	Hồ Xuân Hương	- Thất ngôn tứ tuyệt - Chữ Nôm	Ca ngợi vẻ đẹp, cảm thông cho số phận và trân trọng phẩm chất của người phụ nữ xưa.	- Ẩn dụ qua hình ảnh bánh trôi nước. - Ẩn dụ, phép điệp, liệt kê, thành ngữ, đảo ngữ.

	Côn Sơn ca	Nguyễn Trãi	- Chữ Hán - Dịch Nôm, lục bát	Tình yêu thiên nhiên và tâm hồn thi sĩ của Nguyễn Trãi	- Miêu tả qua so sánh, tính từ, hình ảnh. - Giàu nhạc điệu.
	Thiên trường vãn vọng	Trần Nhân Tông	- Thơ thất ngôn tứ tuyệt - Chữ Hán	Tình yêu yêu nước qua cảnh sắc đồng quê yên bình, đẹp đẽ	Hình ảnh cổ điển, đậm màu sắc dân gian.
	Qua Đèo Ngang	Bà huyện Thanh Quan	- Thơ thất ngôn bát cú - Chữ Nôm	- Cảnh sắc Đèo Ngang đẹp, hoang sơ, thoáng buồn. - Tâm sự yêu nước thầm kín của tác giả	- Phép đối: đối xứng, tương phản. - Đảo ngữ, liệt kê, điệp từ, điệp tích. - Lấy tĩnh tả động, tả cảnh ngụ tình.
	Bạn đến chơi nhà	Nguyễn Khuyến	- Thơ thất ngôn bát cú. - Chữ Nôm	Tình bạn đẹp, chân thành vượt qua mọi giá trị vật chất.	- Tạo tình huống. - Liệt kê, phép đối. - Xây dựng hình tượng.
	Vọng Lư sơn bộc bố	Lí Bạch (Trung Quốc)	- Thơ thất ngôn tứ tuyệt - Chữ Hán	- Bức tranh thủy mặc đẹp rục rờ, lung linh, huyền ảo	- Đặc tả cảnh sắc thiên nhiên bằng liên tưởng - Nghệ thuật so sánh
	Tĩnh dạ tứ	Lí Bạch (Trung Quốc)	- Thơ thất ngôn tứ tuyệt - Chữ Hán	Tình yêu quê hương của người xa nhà trong đêm thanh tĩnh	- Hình ảnh cổ điển “Trăng” - Phép đối, gợi tả.
	Hồi hương ngẫu thư	Hạ Tri Chương (TQ)	- Thơ thất ngôn tứ tuyệt - Chữ Hán	Tình yêu quê hương của người sống xa quê lâu ngày.	- Tình huống chân thực, hóm hỉnh mà sâu sắc – phép đối.
	Mao ốc vị thu phong sở phá ca	Đỗ Phủ (Trung Quốc)	- Biến thể thơ thất ngôn - Chữ Hán	- Nỗi khổ vì nhà tranh bị gió thu phá - Khát vọng nhân đạo của tác giả	- Kết hợp nhiều phương thức biểu đạt. - Miêu tả hiện thực sinh động.
HIỆN ĐẠI	Rằm tháng giêng	Hồ Chí Minh	- Thất ngôn tứ tuyệt - Chữ Hán	- Vẻ đẹp sông nước mùa xuân - Tình yêu nước	- Điệp từ - Từ ngữ gợi tả, gợi cảm.
	Cảnh khuya	Hồ Chí Minh	- Thất ngôn tứ tuyệt - Quốc ngữ	- Vẻ đẹp núi rừng mùa xuân - Tình yêu nước	- So sánh - Điệp từ, liệt kê. - Từ ngữ gợi tả.
	Tiếng gà trưa	Xuân Quỳnh	- Thơ ngũ ngôn - Quốc ngữ	- Tình bà cháu - Tình yêu nước	- Điệp ngữ, câu trúc - Hình ảnh chân thực.

Một thứ quà của lúa non: Cốm	Thạch Lam	- Tuỳ bút - Biểu cảm	- Cốm là thức quà riêng biệt của đất nước	- Quan sát, miêu tả tinh tế, nhạy cảm.
Sài Gòn tôi yêu	Minh Hương	- Bút kí - Biểu cảm	- Sài Gòn năng động, hấp dẫn, nghĩa tình.	- Từ ngữ gợi tả, gợi cảm - Quan sát tinh tế
Mùa xuân của tôi	Vũ Bằng	- Tuỳ bút - Biểu cảm	- Nỗi nhớ xuân quê hương của người con xa quê	- Từ ngữ gợi tả, gợi cảm - Quan sát tinh tế, nhạy cảm
Cổng trường mở ra	Lí Lan	- Nhật dụng - Biểu cảm	- Tấm lòng của mẹ - Vai trò của nhà trường	- Dòng nhật kí tâm tình. - Hình ảnh gợi cảm
Mẹ tôi	Edmondo De Amicis	- Nhật dụng - Biểu cảm	- Tình yêu thương, kính trọng cha mẹ là thiêng liêng hơn cả	- Lời nói chân thành. - Giọng văn nhẹ nhàng, nghiêm khắc
Cuộc chia tay của những con búp bê	Khánh Hoài	- Truyện ngắn - Tự sự kết hợp biểu cảm	- Cuộc chia tay đau đớn và cảm động của hai em bé	- Xây dựng tình huống truyện. - Xây dựng tính cách nhân vật truyện.

2. Bài tập vận dụng

Bài tập 1: Đọc câu văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới :

"Đi đi con, hãy can đảm lên, thế giới này là của con, bước qua cánh cổng trường là một thế giới kì diệu sẽ mở ra"

(Trích SGK Ngữ văn 7, tập 1)

Câu 1. Trình bày những hiểu biết của em về xuất xứ và nội dung chính của VB có chứa câu văn trên?

Câu 2. Phương thức biểu đạt của văn bản là gì?

Câu 3. Bài văn giúp em hiểu thêm về điều gì?

Câu 4. Bài văn đề cập đến vấn đề gì?

Câu 5: Suy nghĩ của em về câu nói : “Đi đi con, hãy can đảm lên, thế giới này là của con, bước qua cổng trường là một thế giới kì diệu sẽ mở ra”?

Câu 6: Văn bản sử dụng hình thức là lời của ai nói với ai? Sử dụng hình thức này có tác dụng gì?

Bài tập 2: Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới :

“Con hãy nhớ rằng, tình yêu thương, kính trọng cha mẹ là tình cảm thiêng liêng hơn cả. Thật đáng xấu hổ và nhục nhã cho kẻ nào chà đạp lên tình yêu thương đó”.

(Trích SGK Ngữ văn 7, tập 1)

Câu 1. Cho biết tên văn bản, tên tác giả.

Câu 2. Nêu xuất xứ văn bản ?

Câu 3. Theo em, tại sao người bố không nói trực tiếp với En-ri-cô mà lại viết thư?

Câu 4. Trình bày cảm nhận của em về nhân vật người mẹ trong văn bản.

Bài tập 3: Đọc kĩ đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

...Vừa nghe thấy thế, em tôi bất giác run lên bần bật, kinh hoàng đưa cặp mắt tuyệt vọng nhìn tôi. Cặp mắt đen của em lúc này buồn thẫm thẫm, hai bờ mi đã sưng mọng lên vì khóc nhiều.

Đêm qua, lúc nào chợt tỉnh, tôi cũng nghe tiếng nước nở, tức tưởi của em...

(Trích SGK Ngữ văn 7, tập 1)

Câu 1: Đoạn văn trên trích trong văn bản nào? Của ai?

Câu 2: Xác định các từ láy và tác dụng của chúng trong đoạn văn trên?

Câu 3: Đặt câu với một trong những từ láy vừa tìm được?

Câu 4: Bài văn đề cập đến vấn đề gì?

Bài tập 4: Cho câu thơ sau: “*Nam quốc sơn hà Nam đế cư...*”

Câu 1. Chép 3 câu còn lại để hoàn thành bài thơ?

Câu 2: Tên bài thơ, tác giả?

Câu 3: Thế nào là bản Tuyên ngôn độc lập? Hãy chỉ ra nội dung Tuyên ngôn độc lập được thể hiện trong bài thơ?

Câu 4. Bài thơ được viết theo thể thơ nào? Nêu hiểu biết của em về thể thơ đó?

Câu 5. Nội dung của bài thơ?

Bài tập 5: Cho câu thơ: “*Chương Dương cướp giáo giặc*”

Câu 1. Chép ba câu thơ tiếp theo để hoàn thành bài thơ trên.

Câu 2. Cho biết tên tác giả? Tác phẩm? Hoàn cảnh sáng tác? Bài thơ được sáng tác theo thể loại nào?

Câu 3. Nêu bố cục của đoạn thơ trên? Cho biết nội dung biểu cảm trong mỗi phần?

Cách biểu cảm ấy là trực tiếp hay gián tiếp?

Câu 4. Từ ý thơ trên, em hãy viết đoạn văn trình bày cảm nhận của mình về tác giả Trần Quang Khải.

Bài tập 6: Cho hai câu thơ:

Thôn hậu, thôn tiền đạm tự yên,
Bán vô, bán hữu tịch dương biên.

Câu 1. Chép 2 câu thơ tiếp để hoàn thành bài thơ?

Câu 2: Cho biết tên tác giả, văn bản?

Câu 3: Hai câu thơ đầu sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Nêu tác dụng?

Câu 4: Bài thơ được viết theo thể thơ nào? Nêu hiểu biết của em về thể thơ đó?

Bài tập 7: Cho đoạn thơ:

Côn Sơn suối chảy rì rầm,
Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai.
Côn Sơn có đá rêu phơi,
Ta ngồi trên đá như ngồi đệm êm.
Trong ghènh thông mọc như nêm,
Tìm nơi bóng mát ta lên ta nằm.
Trong rừng có bóng trúc râm,
Dưới màu xanh mát ta ngâm thơ nhàn.

(Sách giáo khoa Ngữ văn lớp 7, tập 1)

Câu 1. Tên bài thơ có chứa đoạn thơ trên, tác giả?

Câu 2: Phương thức biểu đạt

Câu 3: Trong đoạn thơ trên, xuất hiện rất nhiều đại từ “ ta”. Vận dụng kiến thức về đại từ này để hiểu được nhân vật trữ tình ở đây là ai?

Câu 4: Cách nhìn nhận về thiên nhiên cảnh vật được thể hiện như thế nào qua đoạn trích? Qua đó phản ánh nét gì trong tâm hồn của người cảm nhận.

Bài tập 8:

Bánh trôi nước

*Thân em vừa trắng lại vừa tròn
Bảy nổi ba chìm với nước non
Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn*

Mà em vẫn giữ tấm lòng son

(Hồ Xuân Hương)

Câu 1: Bài thơ được viết theo thể thơ nào? Nêu hiểu biết của em về thể thơ đó?

Câu 2: Từ “Rắn nát” trong bài thơ trên thuộc loại từ ghép nào? Vì sao? Hãy giải thích nghĩa của từ “Rắn nát”?

Câu 3: Qua bài thơ, Hồ Xuân Hương đã thể hiện thái độ gì đối với người phụ nữ trong xã hội phong kiến?

Câu 4: Giá trị nội dung của bài thơ?

Câu 5: Cảm nhận của em về hình ảnh người phụ nữ qua bài thơ: Bánh trôi nước của HXH

Bài tập 9: Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:

“Bước tới Đèo Ngang, bóng xế tà

Cỏ cây chen đá, lá chen hoa

Lom khom dưới núi, tiều vài chú

Lác đác bên sông, chợ mấy nhà ...

(Ngữ văn 7, tập 1, NXB Giáo dục)

Câu 1: Đoạn thơ trên được trích từ bài thơ nào?

Câu 2: Tác giả bài thơ đó là ai?

Câu 3: Các từ: *lom khom, lác đác* thuộc loại từ gì?

Câu 4: Nội dung của đoạn thơ trên?

Câu 5: Chỉ ra và nêu hiệu quả của biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ: *Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.*

Câu 6: Từ đoạn thơ trên, em hãy viết đoạn văn từ 4-6 câu trình bày suy nghĩ của mình về vẻ đẹp thiên nhiên. Trong đoạn văn đó có sử dụng một cặp quan hệ từ.

Bài tập 10: Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:

Đã bấy lâu nay bác tới nhà.

Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa.

Ao sâu nước cá, khôn chài cá,

Vườn rộng rào thưa, khó đuổi gà.

*Cải chữa ra cây, cà mới nụ,
Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa.
Đầu trò tiếp khách, trầu không có,
Bác đến chơi đây ta với ta.*

(Ngữ văn 7, tập 1, NXB Giáo dục)

Câu 1: Đoạn thơ trên được trích từ bài thơ nào?

Câu 2: Tác giả bài thơ đó là ai?

Câu 3: Bài thơ được viết theo thể thơ gì?

Câu 4: Đến với bài thơ BĐCN, ta như đang được đến với bức tranh làng cảnh Việt Nam ở đồng bằng Bắc Bộ. Em có tán thành ý kiến đó không? Vì sao?

Câu 5: Em hãy đọc một số câu ca dao, tục ngữ, hoặc thơ nói về tình bạn

Bài tập 11:

CẢNH KHUYA

*Tiếng suối trong như tiếng hát xa,
Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa.
Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ,
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.*

(Sách **Ngữ văn 7** tập một - Nhà xuất bản Giáo dục)

Câu 1: Hoàn cảnh sáng tác bài thơ có gì đặc biệt ?

Câu 2: Nêu biện pháp nghệ thuật chủ yếu được sử dụng trong bài thơ ?

Câu 3: Kể tên một số bài thơ đã học trong sách Ngữ văn 7 tập một có hình ảnh ánh trăng ?

Câu 4: So sánh điểm giống và khác nhau giữa hai bài thơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh **Cảnh khuya ; Rằm tháng giêng**.

Bài tập 12:

RẪM THÁNG GIÊNG

*Rằm xuân lồng lộng trăng soi,
Sông xuân nước lẫn màu trời thêm xuân.
Giữa dòng bàn bạc việc quân,
Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền.*

Sách **Ngữ văn 7** tập một - Nhà xuất bản Giáo dục

Câu 1: Hoàn cảnh sáng tác bài thơ có gì đặc biệt ?

Câu 2: Nêu biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong hai câu thơ đầu và nêu tác dụng?

Câu 3: Hình ảnh nhân vật trữ tình trong bài thơ hiện lên như thế nào ?

Bài tập 13:

Cho đoạn thơ:

Trên đường hành quân xa
 Dừng chân bên xóm nhỏ
 Tiếng gà ai nhảy ổ:
 “Cục... cục tác cục ta”
 Nghe xao động nắng trưa
 Nghe bàn chân đỡ mỏi
 Nghe gọi về tuổi thơ”

Câu 1: Cho biết tên văn bản và tác giả?

Câu 2: Nêu hoàn cảnh ra đời bài thơ?

Câu 3: Bài thơ được sáng tác theo thể thơ nào?

Câu 4: Phương thức biểu đạt?

Câu 5: Chỉ ra biện pháp nghệ thuật sử dụng trong đoạn và nêu tác dụng?

Bài tập 14:

Đọc kĩ đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

Không còn gì hợp hơn với sự vương vít của tơ hồng, thức quà trong sạch, trung thành như các việc lễ nghi. Hồng cóm tốt đôi... Và không bao giờ có hai màu lại hoà hợp hơn được nữa : màu xanh tươi của cóm như ngọc thạch quý, màu đỏ thắm của hồng như ngọc lựu già. Một thứ thanh đạm, một thứ ngọt sắc, hai vị nâng đỡ nhau để hạnh phúc được lâu bền...

Câu 1: Đoạn văn trên trích trong văn bản nào? Của ai?

Câu 2: Văn bản viết theo thể loại nào? Nêu phương thức biểu đạt chính?

Câu 3: Tác giả nhận xét “Hồng cóm tốt đôi...” là dựa trên sự hoà hợp ở những phương diện nào?

Bài tập 15:

Cho đoạn văn:

“Tôi yêu Sài Gòn da diết. Tôi yêu trong nắng sớm, một thứ nắng ngọt ngào, vào buổi chiều lộng gió nhỏ thương, dưới những cây mưa nhiệt đới bất ngờ. Tôi yêu thời tiết trái chứng với trời đang

ui ui buồn bã, bỗng nhiên trong vắt lại như thủy tinh. Tôi yêu cả đêm khuya thưa thớt tiếng ồn. Tôi yêu phố phường náo động, dập dìu xe cộ vào những giờ cao điểm. Yêu cả cái tĩnh lặng của buổi sáng tinh sương với làn không khí mát dịu, thanh sạch trên một số đường còn nhiều cây xanh che chở. Nếu cho là cường điệu, xin thưa:

“Yêu nhau yêu cả đường đi
Ghét nhau ghét cả tông chi, họ hàng”.

Câu 1: Đoạn văn trên trích trong văn bản nào? Của ai?

Câu 2: Văn bản viết theo thể loại nào? Nêu phương thức biểu đạt chính?

Câu 3: Trình bày cảm nhận của em về đoạn văn trên.

Bài tập 16: Cho đoạn văn sau:

“Tự nhiên như thế: ai cũng chuộng mùa xuân. Mà tháng giêng là tháng đầu của mùa xuân, người ta càng trù mến, không có gì lạ hết. Ai bảo được non đừng thương nước, bướm đừng thương hoa, trăng đừng thương gió; ai cấm được trai thương gái, ai cấm được mẹ yêu con; ai cấm được cô gái còn son nhớ chồng thì mới hết được người mê luyến mùa xuân.”

Câu 1: Đoạn văn trên trích trong văn bản nào? Của ai?

Câu 2: Văn bản viết theo thể loại nào? Nêu phương thức biểu đạt chính?

Câu 3: Hãy viết một đoạn văn ngắn chỉ ra cái hay trong đoạn văn đó.

II. PHẦN TIẾNG VIỆT:

1. Kiến thức trong tâm

Nội dung	Khái niệm – Phân loại	Ví dụ
Từ ghép	Từ ghép chính phụ: tiếng chính – tiếng phụ bổ sung nghĩa → Phân nghĩa – hẹp hơn	- Bà ngoại - Truyện ngắn - Bàn gỗ
	Từ ghép đẳng lập: các tiếng bình đẳng về nghĩa → Hợp nghĩa – rộng hơn	- Ăn uống - Học hành - Quần áo
Từ láy	Từ láy toàn bộ: các tiếng lặp lại hoàn toàn hay chỉ đổi thanh điệu, phụ âm cuối	- Xanh xanh - Đo đo - Đem đẹp
	Từ láy bộ phận: tiếng sau lặp lại phụ âm đầu hay vần của tiếng trước → Tạo âm thanh, hình ảnh cho câu văn sinh động.	- Xấu xí - Đẹp đẽ
	Đại từ	Dùng đại diện cho người, vật, hoạt động, tính chất

		<ul style="list-style-type: none"> ngịch lẫm. - Lan đang ăn. Cô ấy chưa ngủ. <p>→ <i>Liên kết câu, tránh lặp từ, câu văn sinh động, hàm súc.</i></p>
Từ Hán Việt	<ul style="list-style-type: none"> - Từ có gốc Hán → yếu tố Hán Việt. - Có thể dùng độc lập, có khi dùng tạo từ ghép <p>→ <i>Tạo sắc thái trang trọng, cổ kính, tao nhã tránh thô tục, ghê sợ</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quốc gia. - Hoa - Quả
Quan hệ từ	<ul style="list-style-type: none"> - Biểu thị các ý nghĩa quan hệ như sở hữu, so sánh, nhân quả,... <p>→ <i>Liên kết câu giúp văn bản mạch lạc, chuyển ý nhẹ nhàng, hợp lí.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tình yêu của mẹ. - Dù mưa nhưng em vẫn đi học
Từ đồng nghĩa	<ul style="list-style-type: none"> - Những từ có nghĩa giống nhau hay gần giống nhau <p>→ <i>Sắc thái biểu đạt khác nhau, phong phú hơn về từ vựng.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trông, ngóng, nhòm, ngó, nhìn,... - Mất, chết, bỏ mạng, hi sinh, ra đi,...
Từ đồng âm	<ul style="list-style-type: none"> - Những từ có phát âm như nhau nhưng nghĩa hoàn toàn khác nhau <p>→ <i>Phong phú hơn về vốn từ</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đá (danh từ): viên đá - Đá (động từ): hành động tác động lực bằng chân.
Từ trái nghĩa	<ul style="list-style-type: none"> - Những từ có nghĩa trái ngược nhau 	<ul style="list-style-type: none"> - Giàu >> nghèo. - Lớn >> nhỏ.
Thành ngữ	<ul style="list-style-type: none"> - Cụm từ có cấu tạo cố định, biểu thị ý nghĩa hoàn chỉnh. (nghĩa đen và nghĩa ẩn dụ) <p>→ <i>Câu văn ngắn gọn, hàm súc, có tính hình tượng và biểu cảm cao.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Lên thác xuống ghềnh - Năm nắng mười mưa - Mâm cao cỗ đầy
Điệp ngữ	<ul style="list-style-type: none"> - Lặp lại từ - ngữ để làm nổi bật ý <p>→ <i>Nhấn mạnh ý, gây cảm xúc mạnh cho người đọc.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trăng lòng cổ thụ bóng lòng hoa
Chơi chữ	<ul style="list-style-type: none"> - Lợi dụng đặc sắc về ngữ âm, về nghĩa của từ để tạo sắc thái dí dỏm, hài hước 	<ul style="list-style-type: none"> - Con cá đôi bỏ trong cối đá - Con mèo cái nằm trên mái kèo

2. Bài tập vận dụng

Bài tập 1: Hãy sắp xếp các từ ghép: *xe máy, xe cộ, cá chép, xanh um, nhà cửa, nhà máy, quần âu, cây cỏ, quần áo, xanh lè, bàn ghế, mặt mũi, bút bi, bàn ghế, áo mưa, xanh biếc, suy nghĩ, thước kẻ, giang sơn* thành hai nhóm và điền vào bảng theo mẫu cho dưới đây:

Từ ghép chính phụ	Từ ghép đẳng lập

Bài tập 2: Sắp xếp các từ sau thành hai nhóm từ láy và từ ghép: *xanh xanh, xanh xao, xâu xa, xâu xí, máu me, máu mủ, hoàng hôn, tôn tốt, tốt tươi, học hỏi, học hành, đo đờ, mơ màng, mơ mộng.*

Từ láy	Từ ghép

Bài tập 3: Chỉ ra các đại từ được sử dụng trong những ví dụ sau:

a. – Ai cũng biết rằng mỗi sai lầm trong giáo dục sẽ ảnh hưởng đến cả một thế hệ trong mai sau, và sai lầm một li có thể đưa thế hệ ấy đi chệch cả hàng dặm sau này.

(Công trường mở ra)

b. Ai làm cho bể kia đầy / Cho ao kia cạn, cho gầy cò con ? *(Ca dao)*

c. Hấn nghĩ bụng: “Người này khỏe như voi. Nó về ở cùng thì lợi biết bao nhiêu” *(Thạch Sanh)*

d. - Theo các bạn, hoa cúc có bao nhiêu cánh ?

- Phật nói thêm: “Hoa cúc có bao nhiêu cánh, người mẹ sẽ sống thêm bấy nhiêu năm.” *(Sưu tầm)*

Bài tập 4: Phân loại các từ Hán Việt sau : *son hà , xâm phạm , giang sơn , quốc gia , ái quốc , thủ môn , thiên vị , chiến thắng , thiên thư , thiên tử , tuyên ngôn , cường quốc .*

- Từ ghép chính phụ :

- Từ ghép đẳng lập :

Trong các từ ghép chính phụ Hán Việt ở trên :

- Từ nào có trật tự các yếu tố giống với trật tự từ ghép thuần Việt (yếu tố chính đứng trước , yếu tố phụ đứng sau) ?

.....

- Từ nào có trật tự các yếu tố khác với trật tự từ ghép thuần Việt (yếu tố phụ đứng trước , yếu tố chính đứng sau) ?

Bài tập 5: Thêm các quan hệ thích hợp để hoàn chỉnh các câu sau đây:

a/ *Tuy miệng nói như vậy bụng ông cũng rói bời lên.*

b/ *Người nông dân ngày xưa phải làm cày chĩa voi, ngày nay đã có máy móc thay thế.*

c/ *Chúng ta phải cố gắng học tập không ngừng.*

d/ *Hôm nay mẹ đi mua thức ăn cá rất ngon.*

e/ *Đằng xa vẫn lại tiếng cười các em học sinh đi học về.*

Bài tập 6: Các câu sau đây dùng quan hệ từ sai ở chỗ nào? Em hãy chữa lại cho đúng.

a. Tuy bức tranh bạn Gia Huy vẽ rất đẹp, tô màu chưa hoàn thiện.

b. Qua câu tục ngữ “Tốt gỗ hơn tốt nước sơn” cho ta thấy khi đánh giá một con người cần coi trọng phẩm chất, tính cách hơn là vẻ bề ngoài.

c. Em xin thông báo một tin vui anh chị mừng.

Bài tập 7: Tìm các từ đồng nghĩa với các từ sau đây: rộng, chạy, cần cù, lười, chết, thừa, đen, nghèo.

Bài tập 8: Điền các từ trái nghĩa thích hợp vào các thành ngữ sau:

- *Chân cứng đá..... Vô thưởng vô.....*

- *Có đi có..... Chân ướt chân.....*

- *Bên..... bên khinh Chạy sấp chạy.....*

- *buổi..... buổi cái Gần nhà..... ngõ*

Bài tập 9: Tìm và giải thích các thành ngữ trong các câu sau đây:

a) Đến ngày lễ Tiên Vương, các lang mang sơn hào hải vị, nem công chả phượng tới, chẳng thiếu thứ gì.

(Bánh chưng, bánh giầy)

b) Một hôm, có người hàng rượu tên là Lí Thông đi qua đó. Thấy Thạch Sanh gánh về một gánh củi lớn, hấn nghĩ bụng: “Người này khỏe như voi. Nó về ở cùng thì lợi biết bao nhiêu”. Lí Thông lân la gợi chuyện, rồi gạ cùng Thạch Sanh kết nghĩa anh em. Sớm mờ côi cha mẹ, tứ cố vô thân, nay có người săn sóc đến mình, Thạch Sanh cảm động, vui vẻ nhận lời.

(Thạch Sanh)

c) Chóc đà mười mấy năm trời,

Còn ra khi đã da mồi tóc sương.

(Truyện Kiều)

Bài tập 10: Tìm điệp ngữ trong đoạn trích dưới đây và cho biết tác giả muốn nhấn mạnh điều gì?

a) Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn tám mươi năm nay. Một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống Phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!

(Hồ Chí Minh)

b) Người ta đi cấy lấy công,
 Tôi nay đi cấy còn trông nhiều bề
 Trông trời, trông đất, trông mây,
 Trông mưa, trông gió, trông ngày, trông đêm.
 Trông cho chân cứng đá mềm.
 Trời êm, biển lặng mới yên tấm lòng.

(Ca dao)

Bài tập 11. Trong bài thơ trên, cho biết tác giả đã dùng các từ ngữ nào để chơi chữ?

Chẳng phải liu diu vẫn giống nhà,
 Rắn đầu biếng học chẳng ai tha.
 Thẹn đèn hổ lửa đau lòng mẹ,
 Nay thét mai gầm rất cô cha.
 Ráo mép chỉ quen tuồng nói dối,
 Lăn lưng cam chịu dấu roi tra,
 Từ nay Trâu Lỗ chăm nghề học,
 Kéo hồ mang danh tiếng thế gia.

(Lê Quý Đôn)

III. PHẦN TẬP LÀM VĂN

1. Kiến thức trọng tâm

Dạng 1: Cách làm bài văn biểu cảm về con người (sự vật)

1. Đặc điểm của đề văn biểu cảm: Đề thường chỉ ra **đối tượng biểu cảm** và **tình cảm cần biểu hiện**.

VD: Đề 1: Cảm nghĩ về bàn tay của mẹ

Đề 2: Loài vật em yêu quý nhất.

Đề 3: Cảm nhận về ngày đầu tiên đi học.

2. Cách làm bài văn biểu cảm:

- Trải qua 4 bước: Tìm hiểu đề và tìm ý; lập dàn bài (bố cục 3 phần); viết bài; sửa bài.

- Bố cục như sau:

+ MB: Giới thiệu và khái quát cảm xúc ban đầu về đối tượng.

- + TB: Qua miêu tả, tự sự mà biểu lộ cảm xúc, suy nghĩ về đối tượng một cách cụ thể, sâu sắc.
- + KB: Khẳng định lại tình cảm của em với đối tượng và nâng lên bài học tư tưởng.

Dạng 2: Cách làm bài văn biểu cảm về tác phẩm văn học

1. Thế nào là phát biểu cảm nghĩ về tác phẩm văn học?

Trình bày những cảm xúc, liên tưởng, tưởng tượng, suy ngẫm của mình về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm đó.

2. Dàn bài văn phát biểu cảm nghĩ về tác phẩm văn học:

- MB: Giới thiệu tác phẩm và hoàn cảnh tiếp xúc tác phẩm
- TB: Trình bày những cảm xúc, suy nghĩ do tác phẩm gợi lên.
- KB: Ấn tượng chung về tác phẩm.

2. Bài tập vận dụng

2.1. Biểu cảm về một người thân mà em yêu quý.

2.2. Phát biểu cảm nghĩ về 02 bài thơ sau:

- Rằm tháng giêng – Hồ Chí Minh
- Bạn đến chơi nhà – Nguyễn Khuyến

3. Dàn ý tham khảo

3.1. Dàn ý khái quát biểu cảm về người

I. Mở bài

- Dẫn dắt -> giới thiệu đối tượng cần biểu cảm
- Tình cảm của em với đối tượng

II. Thân bài

1/ Biểu cảm về hình dáng:

- Sơ lược về tuổi, hoàn cảnh sống, công việc của người thân ấy
- Biểu cảm về những chi tiết tiêu biểu của gương mặt, vóc dáng, đôi mắt, nụ cười, giọng nói.
- Tùy thuộc vào đối tượng biểu cảm mà chọn những chi tiết khác nhau.

2/ Biểu cảm những nét tiêu biểu về tính cách, sở thích, lối sống, trang phục...

- Biểu cảm những nét tiêu biểu về tính cách, sở thích, lối sống.

3/ Biểu cảm về cách đối xử của người thân với những người trong gia đình, đối với em và với mọi người.

- Là trung tâm của sự hòa giải trong gia đình, là tiếng cười hạnh phúc mỗi khi có người ấy.
- Người thân của em đã giúp đỡ em, yêu thương em thế nào
- Cách đối đãi của người ấy với hàng xóm, đồng nghiệp.

4/ Vai trò và bài học mà đối tượng mang lại cho em.

- Là người nuôi dưỡng, lo lắng, giúp đỡ em để em trưởng thành và có cuộc sống sung túc.
- Là người thấu hiểu, cảm thông, nguồn động lực to lớn để em vượt mọi khó khăn.

- Người dạy cho em bài học quý về cách sống.

III. Kết bài: Mở rộng vấn đề, tưởng tượng tình huống và hứa hẹn, mong ước.

3.2. Dàn ý bài “rằm tháng giêng”

I. Mở bài

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm
- Cảm nghĩ khái quát về tác phẩm
- Trích dẫn bài thơ

II. Thân bài :

1/ Khái quát:

- Bài thơ “*Rằm tháng giêng*” của Bác Hồ là một tác phẩm nghệ thuật điêu luyện, ý đẹp lời hay. Chỉ trong bốn câu thơ, Bác vừa miêu tả vẻ đẹp đêm trăng, vừa thể hiện tình yêu thiên nhiên quện chặt với lòng yêu nước sâu nặng.

2/ Biểu cảm:

* Hai câu thơ đầu là bức tranh thiên nhiên thơ mộng, tràn đầy ánh sáng và sức sống của mùa xuân trong đêm rằm tháng giêng nơi chiến khu Việt Bắc.

Rằm xuân lồng lộng trăng soi
Sông xuân nước lẫn màu trời thêm xuân

- Câu thơ đầu mở ra khung cảnh bầu trời cao rộng, trong trẻo, nổi bật trên bầu trời ấy là vầng trăng tròn đầy tỏa ánh sáng xuống khắp đất trời.
- Rằm xuân -> mặt trăng tròn đầy, ánh trăng bao trùm vạn vật trong đêm nguyên tiêu -> có cảm giác ánh trăng chưa bao giờ đẹp và tròn như thế
- Câu thơ thứ hai vẽ ra một không gian xa rộng, bát ngát như không có giới hạn với dòng sông, mặt nước tiếp liền bầu trời.

Sông xuân nước lẫn màu trời thêm xuân

- Dưới ánh trăng, điệp từ “xuân” gợi hình ảnh thiên nhiên tràn đầy sức sống của mùa xuân : cây cối, sông nước, bầu trời, mây gió,... trong đêm rằm đầu năm .
- Trong nguyên văn chữ Hán, tác giả sử dụng điệp từ “*xuân*” kết hợp với nghệ thuật liệt kê “*Xuân giang, xuân thủy tiếp xuân thiên*” để miêu tả một đêm trăng đầy nhựa sống với sự mới mẻ, tươi trẻ của sông, nước và trời. Thì ra, trăng rằm tháng giêng mang vẻ đẹp tươi mát khác thường nhờ có hơi thở của mùa xuân!
- Cảnh vừa có chiều cao của ánh trăng vừa có chiều rộng của sông nước “ tiếp” giáp với bầu trời -> tạo ra không gian bao la vô tận - 2 câu thơ không tả mà giàu sức gợi hình ảnh, gợi màu sắc dù nó là bức tranh về cảnh khuya có 2 gam màu trắng và đen, sáng tối -> người đọc thích thú khi hình dung cảnh đêm xuân đẹp bao nhiêu thì càng cảm phục cái tài thơ của Bác bấy nhiêu ...

3/ Ở hai câu thơ cuối bài, bóng dáng con người đã xuất hiện với hình ảnh con thuyền nhỏ giữa vùng khói sóng. Bác hiện lên với vẻ suy tư, trầm lắng đang cùng với các cán bộ bàn việc quân sự.

Giữa dòng bàn bạc việc quân
Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền

- Trong khung cảnh nên thơ ấy, giữa nơi mịt mù khói sóng Bác Hồ đang làm gì ? Ánh trăng tuyệt đẹp kia không thể làm Bác xao lãng việc nước, việc quân
- Việc quân rất quan trọng nên Bác đã chọn địa điểm họp bàn là giữa vùng sông nước mịt mờ sương khói để đảm bảo bí mật. Điều đó cho thấy tình hình gian khổ của cuộc kháng chiến
- Thế nhưng đến câu thơ cuối ta thấy Bác vẫn giữ được dáng vẻ ung dung, thư thái của một tâm hồn nghệ sĩ. Phong thái ung dung, lạc quan đó được thể hiện ở hình ảnh con thuyền của vị lãnh tụ và các đồng chí sau lúc bàn bạc việc quân trở về, lướt đi phơi phới, chở đầy ánh trăng giữa không gian của cảnh trời nước bao la dường như cũng ngập tràn ánh trăng.

Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền

- Khuya rồi vậy mà trăng vẫn "mãn thuyền" vẫn ngân nga đầy thuyền, trăng tràn ngập khắp nơi, tràn cả không gian rộng lớn, vẫn chờ, vẫn đợi cho dù Bác có bận đến đâu - Thuyền lững lờ xuôi dòng trong đêm co trăng đồng hành như một người bạn chung thủy sâu sắc -> thật hạnh phúc
- Trăng gắn bó với người nghệ sĩ biết thưởng lãm, biết trân trọng vẻ đẹp của trăng - Trong hoàn cảnh đất nước còn khó khăn gian khổ, ta vẫn cảm nhận sự hòa hợp kì diệu giữa cảnh và người -> thể hiện phong thái ung dung, tinh thần lạc quan của Bác về tương lai đất nước tươi sáng -> kính yêu Bác hơn

III/ Kết bài :

Bài thơ "Rằm tháng giêng" giúp em hình dung một cách cụ thể bức tranh đêm trăng trên sông nước thật đẹp, hiểu thêm tấm lòng yêu dân, yêu nước, yêu thiên nhiên sâu sắc của vị lãnh tụ vĩ đại, vị cha già kính yêu của dân tộc

3.3. **Biểu cảm bài “Bạn đến chơi nhà”**

I. Mở bài:

- Thơ Nguyễn Khuyến phản ánh tâm trạng đau buồn của ông trước thời cuộc rối ren, suy tàn.
- Một số bài ông viết về tình làng xóm, tình bạn bè tri âm tri kỉ. Đó là những bài thơ rất cảm động. Bạn đến chơi nhà là một ví dụ tiêu biểu.
- Bài thơ ra đời trong thời gian Nguyễn Khuyến đã cáo quan về sống ẩn dật tại quê nhà, nội dung thể hiện tình bạn già khăng khít, keo sơn giữa hai vị quan thanh liêm đều đã rời xa vòng danh lợi. Tình cảm chân thành ấy đã vượt qua mọi nghi lễ tầm thường của cuộc sống.
- Trích dẫn bài thơ

II. Thân bài

1/ Em xúc động trước niềm vui của nhà thơ khi có bạn đến thăm:

Đã bấy lâu nay bác đến nhà

- Sự phá cách của tác giả ở chỗ: trong thể thơ bát cú Đường luật thì phần đề thường có 2 câu (phá đề, thừa đề) nhưng ở bài thơ này chỉ có một câu.
- Câu thơ tự nhiên như một lời chào hỏi mừng rỡ, thân tình của chủ nhân trước việc đến thăm của một người bạn già xa cách đã lâu ngày,

- Cách gọi “bác” vừa dân dã, vừa kính trọng, thể hiện sự gắn bó lâu dài, mật thiết giữa hai người.
- “Đã bấy lâu nay” : khiến cho em liên tưởng đến khoảng thời gian dài, ngày nối ngày...
- Nơi gặp gỡ của Nguyễn Khuyến là ở “nhà”. Trước mắt em như hiện lên hình ảnh ngôi nhà của Nguyễn Khuyến: đơn sơ, bình dị, ấm cúng

2/ Lời phân trần, thanh minh của chủ nhân về sự tiếp đón thiếu chu đáo của mình khiến em thật ngạc nhiên, thích thú:

*“Trẻ thời đi vắng chợ thời xa,
Ao sâu nước cả khôn chài cá
Vườn rộng rào thưa, khó đuổi gà,
Cải chửa ra cây, cà mới nụ,
Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa,
Đầu trò tiếp khách trầu không có.*

- Em rất thú vị khi đọc những dòng thơ này. Nhà thơ đã nhấn mạnh tính huống éo le: Đã lâu ngày bạn mới đến chơi, biết lấy gì để đãi bạn? Bởi vì ... (kể về hoàn cảnh của Nguyễn Khuyến)
- Đoạn thơ khẳng định: có tất cả mà chẳng có gì vì..... (nêu lí do)
- > Em như liên tưởng:
 - + nụ cười hóm hỉnh của nhà thơ
 - + cuộc sống thanh bạch, giản dị của một nhà nho sẵn sàng treo ấn từ quan về ở ẩn (kể về cuộc sống ấy)
 - + Trước mắt em như hiện lên hình ảnh đầy màu sắc hương thơm của khu vườn...(miêu tả)
- Phép đối, liệt kê, nhịp thơ 4/3, từ ngữ bình dị khiến em khó có thể quên được những câu thơ này.

3/ Em vô cùng cảm động trước tình bạn cao quý của nhà thơ :

Bác đến chơi đây ta với ta

- Chỉ bằng một câu thơ kết, nhà thơ đã biến những cái không có ở sáu câu trên trở thành vô nghĩa, không quan trọng. Bởi cái có là tình bạn.....
- Nguyễn Khuyến thành công trong việc sử dụng đại từ “ta” độc đáo
- > Em liên tưởng “ta với ta” ở đây là....
- Em chợt nhớ đến câu kết trong bài thơ “Qua đèo Ngang”...
- Cảm xúc của em trước tình bạn của Nguyễn Khuyến.
- Tóm lại vật chất chẳng có gì, thôi thì: Bác đến chơi đây, ta với ta. Câu thơ này là linh hồn của bài thơ. Tất cả sự mừng rỡ, quý. trọng, chân tình đều hội tụ ở ba từ ta với ta. Chủ và khách, bác và tôi đã hòa làm một. Quả là tình bạn già sâu sắc, cảm động không có gì so sánh được.

III. Kết bài:

- Bài thơ là tấm lòng chân thành của Nguyễn Khuyến dành cho người bạn già đáng kính đến chơi nhà.

- Giọng thơ tự nhiên, ngôn ngữ giản dị, trong sáng, hình ảnh quen thuộc gợi khung cảnh thiên nhiên tươi mát ở nông thôn đồng bằng Bắc Bộ.
- Cảnh và tình đan xen hài hòa, nhuần nhuyễn, âm áp tình tri âm, tri kỉ

IV. MỘT SỐ ĐỀ KIỂM TRA MINH HOA

1. ĐỀ SỐ 1

TRƯỜNG THCS & THPT LÊ LỢI
Tổ: Văn - Sử - Địa - GDCD

ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề có 01 trang)

KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I

Năm học: 2019 - 2020

Môn: Ngữ văn 7

Thời gian làm bài: 90 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. ĐỌC - HIỂU (3,0 điểm)

Đọc kĩ đoạn văn và trả lời các câu hỏi bên dưới:

“... Đồ chơi của chúng tôi chẳng có nhiều. Tôi dành hầu hết cho em : bộ tú lơ khơ, bàn cá ngựa, những con ốc biển và bộ chỉ màu. Thủy chẳng quan tâm đến chuyện đó, mắt nó cứ rảo hoảnh nhìn vào khoảng không, thỉnh thoảng lại nấc lên khe khẽ...”

(Ngữ văn 7 - Tập 1)

Câu 1: (1,0 điểm) Đoạn văn trên trích trong văn bản nào? Của ai ?

Câu 2: (1,0 điểm) Xác định 01 quan hệ từ và 01 từ ghép Hán Việt trong đoạn văn trên.

Câu 3: (1,0 điểm) Thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm qua văn bản này ?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Hãy viết bài văn biểu cảm về một loài cây mà em yêu thích.

--- Hết ---

2. ĐỀ SỐ 2

TRƯỜNG THCS & THPT LÊ LỢI
TỔ: VĂN- SỬ - ĐỊA - GDCD

Họ và tên:
Lớp: 7A1

KIỂM TRA PHẦN VĂN

Môn: Ngữ văn 7
Thời gian: 45 phút

Câu 1: Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Đêm nay mẹ không ngủ được. Ngày mai là ngày khai trường lớp Một của con. Mẹ sẽ đưa con đến trường, cầm tay con dắt qua cánh cổng, rồi buông tay mà nói: “Đi đi con, hãy can đảm lên, thế giới này là của con, bước qua cánh cổng trường là một thế giới kì diệu sẽ mở ra”.

(Ngữ văn 7 – tập 1)

a. Đoạn trích trên trích từ văn bản nào ? Tác giả là ai ?

.....

b. Suy nghĩ của em về câu nói : **“Đi đi con, hãy can đảm lên, thế giới này là của con, bước qua cổng trường là một thế giới kì diệu sẽ mở ra”** ? Em hiểu “thế giới kì diệu” đó là gì?

.....

.....

c. Trong đoạn trích trên, câu văn nào thể hiện vai trò to lớn của giáo dục nhà trường đối với thế hệ trẻ ?

.....

.....

d. Người mẹ trong văn bản Cổng trường mở ra tại sao lại không ngủ được trong đêm trước ngày khai trường vào lớp Một của con?

.....

.....

Câu 2: Cho bài thơ sau:

*Thân em vừa trắng lại vừa tròn
Bảy nổi ba chìm với nước non
Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn
Mà em vẫn giữ tấm lòng son.*

(Ngữ văn 7, tập 1)

a. Xác định tên tác giả, tác phẩm của bài thơ trên ?

b. Bài thơ trên thuộc thể thơ gì ? Dấu hiệu nhận biết ?

c. Bài thơ trên có những lớp nghĩa nào ? Từ những từ ngữ nào mà em biết điều đó ? Trong các lớp nghĩa vừa phát trên ở câu (c), lớp nghĩa nào quyết định giá trị của toàn bài thơ ? Tại sao ?

d. Cách sử dụng cụm từ “Thân em” nhắc em nhớ đến thể loại nào em đã học ? Tìm hai ví dụ có sử dụng cụm từ “Thân em”.

Câu 3: So sánh cụm từ “ta với ta” trong bài *Bạn đến chơi nhà* của Nguyễn Khuyến với cụm từ “ta với ta” trong bài *Qua Đèo Ngang* của Bà Huyện Thanh Quan.

3. ĐỀ SỐ 3

TRƯỜNG THCS & THPT LÊ LỢI
TỔ: VĂN- SỬ - ĐỊA - GDCD

KIỂM TRA PHẦN TIẾNG VIỆT

Họ và tên:
 Lớp: 7A1

Môn: Ngữ văn 7
 Thời gian: 45 phút

Câu 1: Tìm các từ đồng nghĩa với những từ cho sẵn: (2,0 điểm)

1	Phi cơ		5	Tàu hỏa	
2	Tạ thế		6	Nước ngoài	
3	Liếc		7	Vùng	
4	Sinh		8	Phi trường	

Câu 2: Tìm hai từ Hán Việt mang sắc thái trang trọng và hai từ thuần Việt có ý nghĩa tương đương. Đặt câu với hai từ Hán Việt ấy. (2,0 điểm)

Từ Hán Việt	Từ Thuần Việt	Đặt câu

Câu 3: Tìm và gạch chân dưới các từ trái nghĩa trong các câu sau: (2, 0 điểm)

a.

“Nước non lận đận một mình
 Thân cò lên thác xuống ghềnh bấy nay
 Ai làm cho bể kia đầy
 Cho ao kia cạn, cho gầy cò con?”

b.

“Thiếu tất cả, ta rất giàu dũng khí
 Sống, chẳng cúi đầu. Chết, vẫn ung dung

c.

“Xưa gặp em anh nắm cổ tay
 Khi xưa em trắng, bây giờ em đen.”

d.

“Khúc sông bên lở bên bồi

Bên lở thì đục, bên bồi thì trong”

Câu 3: Tìm các lỗi sai về quan hệ từ trong các câu sau. Hãy chữa lại các câu đó cho đúng. (3,0 điểm)

a. Qua “Truyện Kiều” kể lại cuộc đời đau khổ của người con gái có tài sắc.

.....
b. Nhìn thấy tôi, nó cười tôi rất tươi.

.....
c. Bằng trí tuệ sắc bén, thông minh của người lao động không những đấu tranh trực tiếp mà còn đấu tranh gián tiếp chống chế độ phong kiến.

Câu 4: Em hãy đặt 03 câu với 03 từ đồng âm “là” (1,0 điểm)

.....
.....
.....

3. ĐỀ SỐ 4

TRƯỜNG THCS & THPT LÊ LỢI
TỔ: VĂN- SỬ - ĐỊA - GDCD

KIỂM TRA 15 PHÚT (LẦN 1)

Họ và tên:
Lớp: 7A1

Môn: Ngữ văn 7

Câu 1: Đọc kĩ đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

... Vừa nghe thấy thế, em tôi bất giác run lên bần bật, kinh hoàng đưa cặp mắt tuyệt vọng nhìn tôi. Cặp mắt đen của em lúc này buồn thẳm thẳm, hai bờ mi đã sưng mọng lên vì khóc nhiều.

Đêm qua, lúc nào chợt tỉnh, tôi cũng nghe tiếng nức nở, tức tưởi của em...

(Cuộc chia tay của những con búp bê – Khánh Hoài)

a. Chỉ ra 02 từ Hán Việt trong đoạn văn trên?

.....
.....

b. Xác định các từ láy và tác dụng của chúng trong đoạn văn trên ?

.....

.....
 c. Đặt câu với 02 trong những từ láy vừa tìm được?

Câu 2: Giải nghĩa các yếu tố Hán Việt và phân loại nhóm từ sau thành hai nhóm.

thiên địa, đại lộ, sơn thủy, hoan hỉ, hải đăng, khuyến mã

TỪ GHÉP ĐẶNG LẬP		TỪ GHÉP CHÍNH PHỤ	
Từ Hán Việt	Giải thích các yếu tố Hán Việt	Từ Hán Việt	Giải thích các yếu tố Hán Việt